

Số: 01/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 27 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ BỐN MƯƠI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15; Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 03 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm các nội dung sau:

I. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Lạng Sơn, với diện tích tự nhiên 830.732 ha, gồm 61 xã và 04 phường.

II. Quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển, các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

1. Quan điểm phát triển

(1) Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước; các Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII, XIV của Đảng; Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc, các quy hoạch ngành quốc gia; bảo đảm bố trí không gian, phân bổ nguồn lực hợp lý để thực hiện hiệu quả mục tiêu tăng trưởng hai chữ số và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ chiến lược về quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh.

(2) Phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở nâng cao hiệu quả cải cách thể chế, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phát triển mạnh khu vực tư nhân; tăng cường hội nhập quốc tế, liên kết vùng; phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị; thu hút nhân tài và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là động lực chính, là giải pháp đột phá để phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh; nỗ lực bắt kịp trình độ chuyển đổi số của cả nước và tận dụng thành công các cơ hội phát triển từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

(3) Tổ chức không gian phát triển của tỉnh Lạng Sơn bảo đảm tính thống nhất, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện phát triển của địa phương, nhất là vị trí cửa ngõ quốc tế kết nối với thị trường Trung Quốc; chú trọng khai thác hiệu quả không gian phát triển mới do sắp xếp các đơn vị hành chính và phát triển hạ tầng giao thông mang lại. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi, hình thành các vùng động lực, hành lang kinh tế gắn với những ngành, lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, thế mạnh như kinh tế cửa khẩu, công nghiệp chế biến chế tạo, điện gió, năng lượng tái tạo, thương mại và dịch vụ, du lịch, nông – lâm nghiệp, dược liệu giá trị cao.

(4) Xác định giá trị văn hóa, con người là yếu tố nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững. Tăng cường giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc trên địa bàn tỉnh gắn với đẩy mạnh phát triển du lịch, hợp tác quốc tế, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, bền vững; nâng cao đạo đức xã hội, ý thức pháp luật, xây dựng văn hóa và con người Lạng Sơn phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, có khát vọng vươn lên. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, lấy con người là trung tâm của quá

trình phát triển, đảm bảo phát triển bao trùm, toàn diện, nâng cao chất lượng dân số, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, bảo đảm an ninh con người, an toàn xã hội.

(5) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, lấy phát triển để ổn định, ổn định để phát triển nhanh, bền vững. Bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết hiệu quả các các vấn đề xã hội, thực hiện giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nhất là các khu vực nông thôn, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn. Giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia và xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển.

(6) Xác định bảo vệ môi trường, sinh thái, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu là điều kiện nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội; phát triển kinh tế theo hướng thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Lạng Sơn trở thành tỉnh biên giới có kinh tế phát triển, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh, môi trường sinh thái được bảo đảm, là một trong các cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá vào năm 2035; là trung tâm kết nối kinh tế, thương mại giữa Việt Nam, các nước ASEAN, Trung Quốc và châu Âu.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch mạnh theo hướng các ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch trở thành động lực tăng trưởng chính, ngành nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất nông - lâm sản hàng hóa, được liên kết với tổ chức không gian sản xuất tập trung, phát triển theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ, hiệu quả cao. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hệ thống đô thị hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng ngày càng cao và thực hiện chuyển đổi số hiệu quả trên cả bốn trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và cửa khẩu số. Chất lượng công tác bảo vệ môi trường, ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học được nâng cao, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đến năm 2030 đạt khoảng 111.100 tỷ đồng.

+ Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm giai đoạn 2026 – 2030 từ 10 - 11%.

+ Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2030: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 14 - 15%; khu vực công nghiệp - xây dựng 32 - 33%; khu vực dịch vụ 49 - 50%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3 - 4%.

+ Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương khoảng 5.000 USD.

+ Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 30%.

+ Thu nội địa tăng bình quân hằng năm từ 10% trở lên.

+ Tổng vốn đầu tư xã hội cả giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 250 - 270 nghìn tỷ đồng.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP khoảng 50 - 51%.

+ Lượng khách du lịch đến năm 2030 đạt khoảng 6.000.000 lượt người; tổng thu từ khách du lịch đạt từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

+ Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương tăng bình quân hằng năm 10 - 11%.

- Về kết cấu hạ tầng:

+ 100% hộ dân được sử dụng điện; hoàn thiện đưa vào sử dụng các công trình nguồn điện, lưới điện truyền tải, phân phối đã được quy hoạch và phê duyệt đầu tư.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40% vào năm 2030.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và khoảng 90% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

- Về xã hội:

+ Đến năm 2030 dân số đạt khoảng 854 - 856 nghìn người.

+ Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75,5 tuổi, trong đó số năm sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 68 năm.

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,7 - 0,75.

+ Số lao động có việc làm đạt khoảng 339.000 người.

+ Tỷ trọng lao động có việc làm: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 36 - 37%; công nghiệp và xây dựng 24 - 25%; dịch vụ 38 - 39%.

+ Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt từ 76% trở lên; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.

+ Tỷ lệ thất nghiệp khoảng 3 - 3,5%.

+ Năng suất lao động đạt trên 320 triệu đồng/người.

+ Duy trì tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 100%; đến năm 2030 có 13,5 bác sĩ và 37 giường bệnh trên 1 vạn dân, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

- + Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 70%.
- + Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) giảm 2%/năm.
- + Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn khoảng 80%.
- + Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 60%.
- + Tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt trên 90% (theo phân loại đường đến hết năm 2024); tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 95%; toàn tỉnh có 3.000 căn nhà ở xã hội.
- Về bảo vệ môi trường:
 - + Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 65%.
 - + 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.
 - + Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, phân loại và xử lý đạt trên 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn được thu gom, phân loại và xử lý đạt khoảng 90%.
 - + Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại:
 - + Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh.
 - + Xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.
 - + Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng khu vực biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, Lạng Sơn có nền kinh tế hiện đại, năng động, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại kết nối vùng, quốc tế hiệu quả, hệ thống cửa khẩu hiện đại, xanh, thông minh, an toàn, hiệu quả; là trung tâm kết nối quan trọng giữa các nước Đông Nam Á, Việt Nam với Trung Quốc, Trung Á và châu Âu. Lạng Sơn trở thành vùng đất XANH hấp dẫn đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực, đặc biệt là năng lượng sạch, nông nghiệp, công nghiệp và du lịch. Lạng Sơn đóng vai trò quan trọng trong việc xác định thương hiệu quốc gia của nông sản Việt Nam và là trung tâm quan trọng trung chuyển nông sản, hàng hóa chất lượng cao của Việt Nam và các nước Đông Nam Á đến thị trường khu vực và thế giới. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, nhất là dịch vụ thương mại, du lịch, logistics và vận tải chiếm tỷ trọng lớn. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn, gìn giữ, phát huy hiệu quả, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Môi trường

sinh thái được bảo vệ; an sinh xã hội của người dân được bảo đảm; trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới, chủ quyền quốc gia được bảo đảm vững chắc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Đổi mới và hoàn thiện thể chế, cải tiến mạnh mẽ thủ tục hành chính theo hướng tinh giản, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân, tạo môi trường kinh doanh hiện đại, minh bạch. Tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn có sức lan tỏa rộng; đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, thu hút các nguồn vốn FDI. Nghiên cứu phát triển các mô hình, loại hình kinh tế mới tạo động lực đột phá phát triển kinh tế tỉnh như: khu thương mại tự do, khu hợp tác kinh tế qua biên giới, kinh tế không gian tầm thấp...

- Đầu tư nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại, tập trung vào hạ tầng giao thông, đô thị, công nghiệp, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, hạ tầng phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, xử lý chất thải và nước thải; ưu tiên các dự án liên kết vùng, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội như: Cửa khẩu thông minh; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Khu du lịch Mẫu Sơn; các dự án điện gió; tuyến cao tốc kết nối Lạng Sơn - Thái Nguyên; đường sắt khổ tiêu chuẩn Lạng Sơn - Hà Nội...

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua phát triển giáo dục, đào tạo nghề cho người lao động và thu hút, sử dụng hiệu quả nhân tài.

- Phát triển du lịch trở thành động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng, ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh vào năm 2030. Xây dựng điểm đến mới, sản phẩm mới phù hợp với xu thế, chú trọng đến những yếu tố đặc trưng, riêng biệt, trong đó ưu tiên xây dựng các sản phẩm du lịch biên giới, du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn; khai thác hợp lý các giá trị địa chất, cảnh quan, văn hóa phục vụ phát triển du lịch bền vững. Đẩy mạnh liên kết vùng, thu hút đầu tư các dự án du lịch quy mô lớn; phát triển, từng bước hoàn thành đưa vào khai thác khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn. Tập trung đầu tư, phát triển cả về số lượng và nâng cao chất lượng đồng bộ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Đẩy mạnh phát triển hệ thống doanh nghiệp du lịch để điều phối, tăng cường giá trị gia tăng của chuỗi dịch vụ.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực tăng trưởng quan trọng nhất của nền kinh tế; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp;

- Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp; ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm gắn với sản phẩm chủ lực, thế mạnh, đặc sản của địa phương, trong đó có các sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ; tập trung phát triển kinh tế rừng; thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị. Tăng cường liên kết giữa người sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Phát huy bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp, nâng cao đạo đức xã hội, ý thức pháp luật, xây dựng văn hóa và con người Lạng Sơn.

- Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác; chủ động thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

b) Các đột phá phát triển

- Chuyển đổi số và cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân;

- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt khổ tiêu chuẩn, đô thị, khu, cụm công nghiệp; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa của tỉnh;

- Phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ và du lịch là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế;

- Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, xanh, an toàn và hiện đại để trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế của tỉnh.

III. Phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng: Công nghiệp, dịch vụ, phát triển kinh tế cửa khẩu và Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, nông, lâm nghiệp và thủy sản

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác: Dân số, lao động, việc làm, an sinh xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

- 01 trục phát triển: Trục phát triển kinh tế Đồng Đăng - Hữu Lũng gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam hình thành trên cơ sở tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị qua đô thị Lạng Sơn, các xã Chi Lăng, Quan Sơn, Chiến Thắng, Nhân Lý, Bằng Mạc, Vạn Linh, Hữu Lũng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Vân Nham, Thiện Tân, Yên Bình, Hữu Liên, Cai Kinh, kết nối với tỉnh Bắc Ninh và Thủ đô Hà Nội.

- 02 hành lang kinh tế: (1) Hành lang kinh tế đô thị Lạng Sơn - Thất Khê, hình thành trên cơ sở tuyến QL.4A, cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, kết nối Lạng Sơn với tỉnh Cao Bằng. (2) Hành lang kinh tế đô thị Lạng Sơn - đô thị Na Dương kết nối với Tiên Yên (Quảng Ninh), hình thành trên cơ sở Quốc lộ 4B, tuyến Cao tốc Lạng Sơn - Quảng Ninh kết nối với cao tốc Hạ Long - Vân Đồn.

- 03 vùng kinh tế - xã hội: Vùng kinh tế động lực, vùng kinh tế phía Đông, vùng kinh tế phía Tây.

IV. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 13 đô thị gồm: Đô thị Lạng Sơn là đô thị loại II và 12 đô thị loại III. Định hướng hình thành các phường mới từ các xã Đồng Đăng, Chi Lăng, Lộc Bình, Hữu Lũng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Đầu tư xây dựng, phát triển các khu dân cư nông thôn, cải thiện điều kiện vật chất cho người dân, gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp và bảo đảm chủ động phòng, chống thiên tai. Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 theo Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. Phương án phát triển các khu chức năng: Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, khu quốc phòng, an ninh, khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.

VI. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước, các khu xử lý chất thải, nghĩa trang, hạ tầng phòng cháy, chữa cháy.

VII. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội: Mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe, hạ tầng giáo dục - đào tạo, hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao, hạ tầng thương mại, kết cấu hạ tầng bảo trợ xã hội, kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ.

VIII. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai: Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của tỉnh trên cơ sở chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

IX. Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Về phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

X. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch: Về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút vốn đầu tư, về phát triển và cung ứng nguồn nhân lực, về môi trường, khoa học và công nghệ, về cơ chế, chính sách liên kết phát triển, về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn, đảm bảo quốc phòng, an ninh, Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ bốn mươi sáu thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ CTXH tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Liên thông Hệ thống PMNV HĐND;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH**Đoàn Thị Hậu**